

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 816/TTr-TNMT ngày 18/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần PT Daehan Global Yên Dũng, địa chỉ trụ sở chính tại Nham Sơn, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Xí nghiệp may Yên Dũng” tại Cụm CN Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Xí nghiệp may Yên Dũng

1.2. Chủ dự án: Công ty Cổ phần PT Daehan Global Yên Dũng.

1.3. Địa điểm hoạt động: Cụm CN Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 2400797961 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/07/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/10/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 3228344677 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 27/6/2016.

1.5. Mã số thuế: 2400797961

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu (áo Jacket).

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với diện tích khoảng: 10ha.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu (áo Jacket): 5.700.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần PT Daehan Global Yên Dũng được cấp Giấy phép môi trường.

1. Công ty Cổ phần PT Daehan Global Yên Dũng có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần PT Daehan Global Yên Dũng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xí nghiệp may Yên Dũng” tại thôn Vân Lư, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng do Công ty cổ phần-Tổng công ty may Bắc Giang làm Chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Công ty TNHH đầu tư Capella Bắc Giang, UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Xí nghiệp may Yên Dũng” tại Cụm CN Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang của Công ty Cổ phần PT Daehan Global Yên Dũng được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 1115/QĐ-TNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty Cổ phần PT Daehan Global Yên Dũng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Công ty TNHH đầu tư Capella Bắc Giang; UBND huyện Yên Dũng; Công ty Cổ phần PT Daehan Global Yên Dũng và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 360 m³/ngày đêm để xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn của Cụm công nghiệp trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư do Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra nguồn tiếp nhận (*Theo Biên bản thỏa thuận điểm đầu nối hạ tầng kỹ thuật ngày 20/9/2023 giữa Công ty cổ phần PT Daehan Global Yên Dũng và Công ty TNHH đầu tư Capella Bắc Giang*), dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 25 bể tự hoại 3 ngăn (có thể tích 26 m³ đến 58,08m³/bể), sau đó theo đường cống bê tông cốt thép D300, với chiều dài 700m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 360 m³/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn Cụm công nghiệp, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra môi trường.

+ Nước thải từ nhà bếp được thu gom vào bể tách dầu mỡ (có thể tích 5,85 m³) sau đó qua đường cống bê tông cốt thép D300, với chiều dài 107m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 360 m³/ngày đêm để xử lý cùng nước thải từ nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn Cụm công nghiệp, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung của cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra môi trường.

+ Nước thải sản xuất: Phát sinh từ quá trình xử lý khí thải được tuần hoàn sử dụng, không xả thải ra ngoài, định kỳ 5 - 7 ngày/1 lần tiến hành vét cặn và bổ sung dung dịch nước vôi trong để xử lý khí thải.

Ngoài ra, trong quá trình sản xuất, Công ty sử dụng nước để làm mát và cấp hơi phục vụ cho quá trình là sản phẩm. Nước làm mát được sử dụng tuần hoàn,

không xả thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, bể tách dầu mỡ) → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư (*Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn Cụm công nghiệp trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư*).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học

- Công suất thiết kế: 360 m³/ngày đêm .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Đường bổ sung để duy trì vi sinh: 12kg/ngày; NaOH: 8kg/ngày; Javel: 6lít/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải khi vận hành, đặc biệt là các thiết bị điện. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn, bơm... thay thế các thiết bị hỏng hóc hệ thống xử lý nước thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

- Trang bị máy phát điện dự phòng đảm bảo hoạt động của các phụ tải điện,

tránh hiện tượng hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra hệ thống thu gom nước thải chung của CCN Nham Sơn – Yên Lư; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Báo cáo đơn vị quản lý CCN Nham Sơn – Yên Lư khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt chuẩn theo yêu cầu của CCN Nham Sơn – Yên Lư, huyện Yên Dũng.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của trạm xử lý, Chủ dự án thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

- + Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

- + Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- + Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ dự án liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Chủ dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Giấy phép môi trường thành phần) số: 632/GP-TNMT ngày 31/10/2020. Căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

Do vậy, Chủ dự án không tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý

nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư do Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang làm chủ đầu tư. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải phát sinh từ lò hơi đốt than.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than trước khi thải ra môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi trước khi thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2344 700; Y = 418 197 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 7.500 m³/giờ tương đương 90.000 m³/ngày (1 ngày làm việc 12 giờ).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục, trong thời gian làm việc của Công ty.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; K_p = 1; K_v = 1) cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; K _p = 1; K _v = 1)
1	SO ₂	mg/Nm ³	500
2	CO	mg/Nm ³	1000
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	200

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Khí thải từ lò hơi đốt than được quạt hút hút theo ống dẫn khói đi qua thiết bị tách bụi Cyclon có kích thước: đường kính x chiều cao = 440 x 2200 mm. Dòng khí tiếp tục được hấp thụ qua bể chứa dung dịch nước vôi trong, khí sau khi xử lý được thải ra môi trường qua ống khói cao 12m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi đốt than: Khí thải → Quạt hút → Cyclon → Bể chứa nước vôi → Ống thoát khí (đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; Kp = 1; Kv= 1).

- Công suất thiết kế: Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải là 7.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải: Dung dịch nước vôi trong khoảng 12 m³/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Biện pháp phòng ngừa

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

* Biện pháp ứng phó

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

STT	Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Hệ thống thu gom, xử lý khí thải lò hơi đốt than	15/02/2024	15/06/2024

2.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý khí thải:

STT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than trước khi thải ra ngoài môi trường.	- Tiến hành lấy mẫu 1 ngày/lần trong 3 ngày liên tục giai đoạn vận hành ổn định. Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: 26/02/2024 + Lần 2: 27/02/2024 + Lần 3: 28/02/2024	SO ₂ , NO _x theo bụi tổng, CO, (tính NO ₂),	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B; Kp = 1; Kv= 1)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị tại khu vực nhồi lông vũ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, trục kinh tuyến 107⁰, múi chiếu 3⁰).

Vị trí: Tại khu vực nhồi lông vũ. Tọa độ: X = 2344728; Y = 418553.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	85	85	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	1,4m/s ²	1,4m/s ²	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt máy móc, lắp đặt chân đệm cao su giảm rung động, ồn.
- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Đối với thiết bị vận hành cố định (như máy bơm, máy phát điện dự phòng) được bố trí khu vực riêng.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: Nút tai, bao tai, mũ bảo hiểm, găng tay, kính,...
- Bố trí thời gian làm việc cho cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình

trạng bị tác động của tiếng ồn kéo dài.

- Đối với tiếng ồn từ các phương tiện giao thông: Yêu cầu công nhân tắt máy, dẫn bộ đối với xe máy khi ra vào nhà máy. Các phương tiện vận chuyển phải được yêu cầu hạn chế việc bấm còi xe trong khu vực nếu không cần thiết.

- Ngoài ra bổ sung dải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan, vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Các loại chất thải nguy hại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	90
2	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	200
3	Hộp mực in thải	08 02 04	20
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	40
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	18 01 03	30
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	18 01 02	120
7	Chất thải y tế lây nhiễm từ quá trình sơ cấp cứu (Bông, băng gạc y tế đã qua sử dụng)	13 01 01	25
8	Pin, ắc quy thải	19 06 01	8
9	Mực in thải nhiễm thành phần nguy hại	08 02 01	8
Tổng			541

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên gồm:

- Chất thải sản xuất thông thường phát sinh gồm: Dầu mẫu vải vụn, thùng cattong, bao bì, ống giấy cuộn vải, băng dính, dây buộc..... Lượng phát sinh khoảng 875 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của dự án khoảng 1,6 tấn/ngày, tương đương với khoảng 41,6 tấn/tháng, thành phần gồm: túi nilong, thức ăn thừa,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 15 thùng bằng nhựa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng-120 lít/thùng, mỗi loại chất thải đựng vào thùng chứa riêng, trên mỗi thùng có dán mã chất thải tương ứng, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho chứa diện tích 21m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che tôn, lắp đặt cửa ra vào, có khóa, trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH, nền đổ bê tông; bên ngoài cửa có dán biển cảnh báo theo quy định. Kho được bố trí bên ngoài nhà xưởng sản xuất.

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 6 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí khoảng 50 bao dứa dung tích 200 lít/bao để thu gom các loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh.

2.2.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải: 01 kho chứa diện tích 104m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho xây bằng gạch, nền xi măng, có mái che tôn, trên cửa có lắp biển tên đúng quy cách, được bố trí bên ngoài nhà xưởng sản xuất.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 15-20 ngày/lần).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 20 thùng chứa có nắp đậy dung tích khoảng dung tích 40 - 120 lít/thùng đặt tại khu vực nhà vệ sinh, khu vực nhà ăn và văn phòng,... để thu gom chất thải rắn sinh hoạt sau đó tập kết vào 10 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 150 lít/thùng.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: không bố trí

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định, tần suất dự kiến khoảng 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý. Chỉ tiếp tục hoạt động sản xuất sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty Cổ phần PT Daehan Global Yên Dũng có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 360 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt tiêu chuẩn của Cụm công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; Kp = 1; Kv= 1) trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 816/TTr-TNMT ngày 18/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.